

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 1 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 - 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 10 - 11 |
| Thuyết minh các báo cáo tài chính | 12 - 37 |



2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã thực hiện hoạt động của Công ty trong suốt thời gian từ phiên kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|---------------------|--------------|
| Hội đồng Quản trị | Chức vụ |
| Ông Lê Văn Quý | Chủ tịch |
| Ông Giáp Hữu Anh | Phó chủ tịch |
| Ông Trịnh Đắc Cường | Thành viên |
| Bà Phạm Tố Hà | Thành viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302366480 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 27 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có hai chi nhánh đặt tại số 24A1 Khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và Lô 10 Khu dân cư Đẩu tuyến Đổng Đa - Lê Lợi - Trần Quý Cáp, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các hiệu thuốc sau:

- Hiệu thuốc số 6 đặt tại số 65 Thuận Kiều, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 7 đặt tại số 90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 4 đặt tại số 68 Cách Mạng Tháng Tám, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 1 đặt tại gian E3, số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 3 đặt tại 76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Cửa hàng mắt kính Việt Quang số 181 đường Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm tài chính 2014, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu; xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc; kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế; bán lẻ thuốc; dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học; mua bán thiết bị ngành y tế; cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng; mua bán kính đeo mắt.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Quê

Ông Cáp Hữu Ánh

Ông Trịnh Đào Cung

Bà Phạm Tố Hà

Chủ tịch

Phó chủ tịch

Thành viên

Thành viên

376
H. NH
G. TY
KIỂM
T
BD
TP. HỒ
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc

| | |
|--------------------|-------------------------|
| Ông Trịnh Đào Cung | Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Hải Hà | Giám đốc Tài chính |
| Ông Trần Cao Sơn | Giám đốc Kinh doanh |
| Bà Tô Thị Lệ Thu | Giám đốc Xuất nhập khẩu |

Ban kiểm soát

| | |
|------------------|------------|
| Ông Dư Quốc Đông | Thành viên |
| Ông Lê Văn Thiện | Thành viên |

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

005
NH
TNHH
DÁN
HỒ CHÍ MINH
10 C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. **Phê duyệt báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



LÊ VĂN QUÊ
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 7.4 trong Thuyết minh báo cáo tài chính về khoản phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ (viết tắt "Công ty Cần Giờ") như sau:

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư khoản phải thu Công ty Cần Giờ là 27,75 tỷ đồng. Đây là khoản phải thu tiến hàng ủy thác nhập khẩu phát sinh từ năm 2009-2010 đã quá hạn thanh toán và lãi chậm trả. Trong khoản lãi chậm trả có 2,14 tỷ đồng là lãi trả chậm cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 12 năm 2012 đã được ghi nhận bổ sung vào Thu nhập tài chính của năm 2014;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 và 2013, Ban lãnh đạo Công ty Cần Giờ đã xây dựng một phương án trả nợ cho Công ty thông qua việc thanh toán bằng tiền và cầm trữ tiền bán hàng hóa cho Công ty, trong vòng bảy (7) năm bắt đầu từ năm 2014 cho đến năm 2020, và mặc dù tiến độ trả nợ của Công ty Cần Giờ trong năm 2014 không như kế hoạch nêu trên, nhưng Ban Tổng giám đốc Công ty vẫn đánh giá và cho rằng Công ty vẫn có khả năng thu hồi được 27,75 tỷ đồng (số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) từ Công ty Cần Giờ và không trích lập dự phòng khoản phải thu này.



NGUYỄN THỊ THANH
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0185-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO - CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015

NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0428-2013-038-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 674.757.773.314 | 613.518.191.018 |
| Tiền và tương đương tiền | 110 | 4.1 | 54.761.659.230 | 50.772.947.231 |
| Tiền | 111 | | 54.094.659.230 | 50.772.947.231 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 667.000.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 470.283.512.233 | 459.410.650.515 |
| Phải thu khách hàng | 131 | 4.2 | 435.280.690.816 | 433.997.389.067 |
| Trả trước cho người bán | 132 | 4.3 | 13.092.240.871 | 14.930.086.155 |
| Các khoản phải thu khác | 135 | 4.4 | 24.674.154.401 | 13.194.581.491 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | 4.5 | (2.763.573.855) | (2.711.406.198) |
| Hàng tồn kho | 140 | 4.6 | 143.368.350.276 | 95.247.290.030 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 143.640.917.073 | 95.423.646.372 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (272.566.797) | (176.356.342) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6.344.251.575 | 8.087.303.242 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 4.7 | 214.303.736 | 181.974.405 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1.516.303.194 | 119.785.352 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | 4.19 | 920.246.295 | 420.775.554 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 4.8 | 3.693.398.350 | 7.364.767.931 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 10.591.154.216 | 12.621.333.423 |
| Tài sản cố định | 220 | | 9.487.995.780 | 10.022.864.514 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.9 | 7.354.427.993 | 6.069.989.933 |
| Nguyên giá | 222 | | 19.859.412.871 | 17.234.211.109 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (12.504.984.878) | (11.164.221.176) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.10 | 708.865.526 | 928.372.916 |
| Nguyên giá | 228 | | 2.899.828.300 | 2.899.828.300 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.190.962.774) | (1.971.455.384) |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 4.11 | 1.424.702.261 | 3.024.501.665 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | 1.326.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | 4.12 | - | 1.326.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.103.158.436 | 1.272.468.909 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.13 | 989.158.436 | 664.122.190 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 4.14 | - | 494.346.719 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | 4.15 | 114.000.000 | 114.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 685.348.927.530 | 626.139.524.441 |

167-0
NHÀM
TY T
M T O
BDC
P. HỒ CH
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 635.982.099.611 | 578.705.559.535 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 634.857.787.206 | 577.741.525.798 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 4.16 | 177.410.595.154 | 179.196.960.024 |
| Phải trả người bán | 312 | 4.17 | 372.998.499.694 | 317.448.278.061 |
| Người mua trả tiền trước | 313 | 4.18 | 69.263.004.785 | 62.599.944.657 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 4.19 | 1.185.453.664 | 1.207.625.332 |
| Phải trả người lao động | 315 | | 1.488.144.249 | 1.572.829.542 |
| Chi phí phải trả | 316 | 4.20 | 608.033.327 | 555.030.130 |
| Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 4.21 | 11.904.056.333 | 15.160.858.052 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 1.124.312.405 | 964.033.737 |
| Phải trả dài hạn khác | 333 | 4.22 | 241.000.000 | 241.000.000 |
| Vay và nợ dài hạn | 334 | 4.23 | 883.312.405 | 723.033.737 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 49.366.827.919 | 47.433.964.906 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.24 | 49.366.827.919 | 47.433.964.906 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 28.000.000.000 | 28.000.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 8.634.641.799 | 7.369.291.628 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 9.932.186.120 | 9.264.673.278 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 685.348.927.530 | 626.139.524.441 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-------------------------------------|-------------|------------|------------|
| 1. Ngoại tệ các loại | | | |
| USD | 4.1 | 990.354,10 | 327.672,61 |
| EUR | 4.1 | 518,81 | 551,85 |



TRỊNH ĐÀO CUNG
 Tổng giám đốc

NGUYỄN HẢI HÀ
 Kế toán trưởng

PHẠM THANH TUYẾN
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015

TRỊNH ĐÀO CUNG
 Tổng giám đốc

NGUYỄN HẢI HÀ
 Kế toán trưởng

PHẠM THANH TUYẾN
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| <u>CHỈ TIÊU</u> | <u>Mã số</u> | <u>Thuyết minh</u> | <u>Năm 2014</u> <u>VND</u> | <u>Năm 2013</u> <u>VND</u> |
|--|--------------|--------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 454.619.740.701 | 470.784.310.103 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 7.095.532.060 | 2.808.806.811 |
| Doanh thu thuần | 10 | 5.1 | 447.524.208.641 | 467.975.503.292 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ | 11 | 5.2 | 395.419.266.323 | 418.787.126.816 |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 52.104.942.318 | 49.188.376.476 |
| Doanh thu tài chính | 21 | 5.3 | 8.654.717.302 | 7.254.702.187 |
| Chi phí tài chính | 22 | 5.4 | 14.855.764.065 | 14.371.760.560 |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i> | <i>23</i> | | <i>14.848.978.451</i> | <i>14.370.661.462</i> |
| Chi phí bán hàng | 24 | 5.5 | 19.672.771.199 | 16.321.941.303 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 5.6 | 17.012.240.007 | 17.438.551.784 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 9.218.884.349 | 8.310.825.016 |
| Thu nhập khác | 31 | 5.7 | 5.982.374.120 | 6.008.033.833 |
| Chi phí khác | 32 | | 88.270.637 | 48.530.613 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 5.894.103.483 | 5.959.503.220 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 15.112.987.832 | 14.270.328.236 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.8 | 3.394.703.959 | 3.042.625.739 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 4.14 | 494.346.719 | 683.117.737 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 11.223.937.154 | 10.544.584.760 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.9 | 4.009 | 3.766 |



TRINH ĐÀO CUNG
Tổng giám đốc

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

PHẠM THANH TUYỀN
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015

33376
CHI NH
ÔNG T
KIỂM
BI
AI TP. HỒ
1 - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|--------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 15.112.987.832 | 14.270.328.236 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 1.560.271.092 | 1.460.038.389 |
| Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng) | 03 | 148.378.112 | (243.713.234) |
| (Lãi) / lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (106.318.762) | 1.717.852.814 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (424.517.257) | (637.452.604) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 14.848.978.451 | 14.370.661.462 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 31.139.779.468 | 30.937.715.063 |
| Tăng các khoản phải thu | 09 | (9.013.858.388) | (42.071.617.992) |
| Tăng hàng tồn kho | 10 | (48.217.270.701) | (11.094.215.287) |
| Tăng các khoản phải trả | 11 | 59.643.314.747 | 27.940.698.469 |
| Giảm / (tăng) chi phí trả trước | 12 | 454.186.732 | (151.034.054) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (14.848.978.451) | (14.370.661.462) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (3.545.121.981) | (2.676.246.176) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | 4.383.056.611 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (2.904.336.558) | (4.810.791.415) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 12.707.714.868 | (11.913.096.243) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm hoặc xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (1.836.954.667) | (2.359.903.633) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 1.591.200.000 | - |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | 159.317.257 | 637.452.604 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (86.437.410) | (1.722.451.029) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 492.874.458.528 | 367.686.835.712 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (495.877.552.760) | (320.248.876.606) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (5.600.000.000) | (2.800.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (8.603.094.232) | 44.637.959.106 |

7-005
ÁNH
/ TNHH
TOÁN
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|--------------|-------------------------|-------------------------|
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 4.018.183.226 | 31.002.411.834 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 50.772.947.231 | 19.769.443.175 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền | 61 | (29.471.227) | 1.092.222 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 54.761.659.230 | 50.772.947.231 |



TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng giám đốc

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

PHẠM THANH TUYẾN
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 0302366480 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 27 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu; xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc; kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế; bán lẻ thuốc; dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học; mua bán thiết bị ngành y tế; cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng; mua bán kính đeo mắt.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có hai chi nhánh đặt tại số 24A1 Khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và Lô 10 Khu dân cư Đầu tuyến Đồng Đa - Lê Lợi - Trần Quý Cáp, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các hiệu thuốc sau:

- Hiệu thuốc số 6 đặt tại số 65 Thuận Kiều, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 7 đặt tại số 90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 4 đặt tại số 68 Cách Mạng Tháng Tám, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 1 đặt tại gian E3, số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 3 đặt tại 76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Cửa hàng mắt kính Việt Quang số 181 đường Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 158 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 169 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



Tel :+84 8 3911 0033
Fax :+84 8 3911 7439
www.bdo.vn

Indochina Park Tower, 1/F
4 Nguyen Dinh Chieu Street
District 1, Ho Chi Minh City
Vietnam

Số: YTECO/015.HCM.14

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.2 Các giao dịch ngoại tệ

Trong năm các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài VND được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc đồng tiền khác với USD được quy đổi sang USD theo tỷ giá của ngân hàng giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện đối với khoản nợ quá hạn trên ba năm của hoạt động tự doanh.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.2 Dự phòng tổn thất hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3

Mức trích lập dự phòng như sau:

- 50% giá trị đối với hàng hóa có hạn sử dụng trên 6 tháng và dưới 12 tháng;
- 100% giá trị đối với hàng hóa có hạn sử dụng dưới 6 tháng, hàng hóa quá hạn sử dụng và hàng hóa chờ thanh lý hoặc kém phẩm chất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

3.5.1

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

3.5.2

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5.3

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 5 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 4 - 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 10 năm |
| Tài sản cố định khác | 3 - 10 năm |

3.6 Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 8 năm.

13337
CHI
ÔNG
KIỂM
B
TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
7-1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

3.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian như sau:

| | |
|-------------------|-------------|
| Chi phí cải tạo | 1,5 - 3 năm |
| Dụng cụ văn phòng | 1,5 năm |

3.9 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh.

3.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính.

3.12 Công cụ tài chính

(i) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký cược ký quỹ ngắn hạn.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

(ii) Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

37-00
HÀNH
Y TẾ
TOÁN
ĐO
TÀI CHÍNH
P. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.13 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành giao dịch. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

3.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái...

3.15 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế TNDN được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế TNDN liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế TNDN này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5-C.T.T.N
H H
N
H H
CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

3.18 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

| Các bên liên quan | Địa điểm | Quan hệ |
|---|----------|------------------|
| Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad | Việt Nam | Công ty liên kết |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| <i>Tiền</i> | | |
| Tiền mặt - VND | 399.372.592 | 347.353.661 |
| Tiền gửi ngân hàng | <u>53.695.286.638</u> | <u>50.425.593.570</u> |
| | <u>54.094.659.230</u> | <u>50.772.947.231</u> |
| <i>Các khoản tương đương tiền</i> | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng - VND | 667.000.000 | - |
| | <u>667.000.000</u> | <u>-</u> |

Toàn bộ tài khoản và quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty trong tài khoản ngân hàng và mọi số dư trong đó được cầm cố đảm bảo cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn (xem chi tiết ở thuyết minh 4.16)

Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

| | <i>Ngoại tệ</i> | <i>Tương đương VND</i> |
|-----|-----------------|------------------------------|
| VND | | 32.508.117.787 |
| USD | 990.354,10 | 21.173.772.169 |
| EUR | 518,81 | 13.396.682 |
| | | <u>53.695.286.638</u> |

4.2 Phải thu khách hàng

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| <i>Bên thứ ba:</i> | | |
| Phải thu tiền hàng tự doanh | 67.793.949.884 | 105.117.894.852 |
| Phải thu tiền hàng ủy thác nhập khẩu | <u>367.486.740.932</u> | <u>328.879.494.215</u> |
| | <u>435.280.690.816</u> | <u>433.997.389.067</u> |

Khoản phải thu được cầm cố đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn (xem chi tiết ở thuyết minh 4.16).

Trong số dư các khoản phải thu từ hoạt động ủy thác, khoản phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 27,75 tỷ đồng. Trong đó, khoản phải thu tiền hàng ủy thác phát sinh từ năm 2009-2010 đã quá hạn thanh toán là 17,44 tỷ đồng và lãi trả chậm là 10,31 tỷ đồng. Công ty không trích lập dự phòng cho khoản phải thu này sau khi cân nhắc phương án trả nợ của Công ty cổ phần dược phẩm Cần Giờ (xem thêm chi tiết ở Thuyết minh 7.4).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | | | |
|------------|--|------------------------|-----------------------|
| 4.3 | Trả trước cho người bán | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | | VND | VND |
| | Ứng trước tiền mua hàng hóa tự doanh | 8.370.210.301 | 12.772.678.457 |
| | Ứng trước tiền mua hàng hóa ủy thác | 4.722.030.570 | 2.157.407.698 |
| | | 13.092.240.871 | 14.930.086.155 |
| 4.4 | Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | | VND | VND |
| | Bảo hiểm xã hội | 105.884.853 | - |
| | Kinh phí công đoàn | 31.137.006 | - |
| | Hỗ trợ hoạt động kinh doanh | 13.273.326.647 | 4.353.566.572 |
| | Phải thu lãi vay hỗ trợ khách hàng ủy thác | 8.342.037.351 | 6.454.123.950 |
| | Chi hộ chi phí hủy hàng, hàng hư hỏng | 34.581.403 | 1.044.572.279 |
| | Phải thu thuế nhập khẩu hàng ủy thác | 180.116.099 | - |
| | Cổ tức của Salenoptic | - | 158.121.819 |
| | Chi hộ đối tác hợp tác kinh doanh hiệu thuốc | 1.641.491.184 | - |
| | Phải thu khác | 1.065.579.858 | 1.184.196.871 |
| | | 24.674.154.401 | 13.194.581.491 |
| 4.5 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | Năm 2014 | Năm 2013 |
| | | VND | VND |
| | Số dư đầu năm | 2.711.406.198 | 1.683.841.250 |
| | Dự phòng trong năm | 52.167.657 | 1.027.564.948 |
| | Số dư cuối năm | 2.763.573.855 | 2.711.406.198 |
| 4.6 | Hàng tồn kho | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | | VND | VND |
| | Công cụ, dụng cụ | - | 25.854.545 |
| | Hàng hóa | 134.193.477.767 | 95.397.791.827 |
| | Hàng gửi đi bán | 9.447.439.306 | - |
| | Cộng giá gốc hàng tồn kho | 143.640.917.073 | 95.423.646.372 |
| | Trừ:- | | |
| | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (272.566.797) | (176.356.342) |
| | | 143.368.350.276 | 95.247.290.030 |

33767-4
II NHẢY
G TY T
EM TO
BDO
P. HỒ CHÍ
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho: | | |
| Số dư đầu năm | 176.356.342 | 732.113.978 |
| Lập / (Hoàn nhập) dự phòng | 96.210.455 | (243.713.234) |
| Sử dụng dự phòng / Xuất hủy | - | (312.044.402) |
| Số dư cuối năm | 272.566.797 | 176.356.342 |

Hàng tồn kho được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (xem chi tiết ở thuyết minh 4.16).

4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 196.303.736 | 137.132.497 |
| Công cụ dụng cụ | - | 2.841.908 |
| Chi phí thuê | - | 42.000.000 |
| Chi phí khác | 18.000.000 | - |
| | 214.303.736 | 181.974.405 |

4.8 Tài sản ngắn hạn khác

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Tài sản thiếu chờ xử lý (Thuyết minh 7.3) | 1.096.830.312 | 4.468.605.909 |
| Tạm ứng | 2.368.486.888 | 317.302.832 |
| Ký quỹ | 228.081.150 | 2.578.859.190 |
| | 3.693.398.350 | 7.364.767.931 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | TSCĐ khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---|-------------------------------------|------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| 01/01/2014 | 9.955.845.615 | 362.559.070 | 4.370.998.316 | 1.940.726.108 | 604.082.000 | 17.234.211.109 |
| Mua trong năm | 3.800.000 | - | 1.399.721.940 | 39.272.727 | - | 1.442.794.667 |
| Đầu tư XDCB | 190.909.056 | - | 364.993.493 | 626.504.546 | - | 1.182.407.095 |
| 31/12/2014 | 10.150.554.671 | 362.559.070 | 6.135.713.749 | 2.606.503.381 | 604.082.000 | 19.859.412.871 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| 01/01/2014 | 6.358.438.315 | 254.101.863 | 3.051.718.642 | 1.138.379.954 | 361.582.402 | 11.164.221.176 |
| Chi phí khấu hao | 603.686.103 | 26.689.145 | 409.622.497 | 255.007.962 | 45.757.995 | 1.340.763.702 |
| 31/12/2014 | 6.962.124.418 | 280.791.008 | 3.461.341.139 | 1.393.387.916 | 407.340.397 | 12.504.984.878 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| 01/01/2014 | 3.597.407.300 | 108.457.207 | 1.319.279.674 | 802.346.154 | 242.499.598 | 6.069.989.933 |
| 31/12/2014 | 3.188.430.253 | 81.768.062 | 2.674.372.610 | 1.213.115.465 | 196.741.603 | 7.354.427.993 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định hữu hình (phương tiện vận tải) có giá trị còn lại là 733.257.347 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 887.998.640 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 3.023.055.482 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.971.376.482 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | |
| 01/01/2014 | 1.633.223.600 | 1.266.604.700 | 2.899.828.300 |
| 31/12/2014 | 1.633.223.600 | 1.266.604.700 | 2.899.828.300 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| 01/01/2014 | 1.321.253.034 | 650.202.350 | 1.971.455.384 |
| Khấu hao trong năm | 65.406.801 | 154.100.589 | 219.507.390 |
| 31/12/2014 | 1.386.659.835 | 804.302.939 | 2.190.962.774 |
| Giá trị còn lại | | | |
| 01/01/2014 | 311.970.566 | 616.402.350 | 928.372.916 |
| 31/12/2014 | 246.563.765 | 462.301.761 | 708.865.526 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 33.800.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 33.800.000 VND).

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Kho Thủ Đức | 445.341.362 | 445.341.362 |
| Nhà 76 Sương Nguyệt Ánh | 840.792.560 | 2.440.591.964 |
| Chi phí tư vấn Oracle EBS | 138.568.339 | 138.568.339 |
| | 1.424.702.261 | 3.024.501.665 |
| | Năm 2014 | Năm 2013 |
| | VND | VND |
| Biến động của xây dựng cơ bản dở dang | | |
| Số dư đầu năm | 3.024.501.665 | 1.030.542.261 |
| Tăng trong năm | 394.160.000 | 1.993.959.404 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (1.182.407.095) | - |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (811.552.309) | - |
| Số dư cuối năm | 1.424.702.261 | 3.024.501.665 |

4.12 Đầu tư vào công ty liên kết

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|-------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad (SALENOPTIC) | - | 1.326.000.000 |
| | - | 1.326.000.000 |

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 132.600 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết ở Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad (SALENOPTIC).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.13 Chi phí trả trước dài hạn

| | 01/01/2014 VND | Tăng trong năm VND | Phân bổ trong năm VND | 31/12/2014 VND |
|-------------------|--------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------|
| Chi phí cải tạo | 354.272.851 | 307.679.265 | (309.277.406) | 352.674.710 |
| Dụng cụ văn phòng | 309.849.339 | 795.280.907 | (468.646.520) | 636.483.726 |
| | 664.122.190 | 1.102.960.172 | (777.923.926) | 989.158.436 |

4.14 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|-------------------|--------------------|
| <i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ</i> | | |
| Chênh lệch tạm thời được khấu trừ: | | |
| Chi phí trích trước | - | 122.106.629 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | 372.240.090 |
| | - | 494.346.719 |

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|-----------------|--------------------|
| Biến động của tài sản thuế hoãn lại | | |
| Số dư đầu năm | 494.346.719 | 1.177.464.456 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn do giảm chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (494.346.719) | (683.117.737) |
| Số dư cuối năm | - | 494.346.719 |

4.15 Tài sản dài hạn khác

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền đặt cọc thuê văn phòng | 114.000.000 | 114.000.000 |

67-00
HÀNH
TY T
TOÁN
ĐỒ
HỒ CHÍ M
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| 4.16 Vay và nợ ngắn hạn | 31/12/2014 | | 01/01/2014 | | Lãi suất (%/năm) | Tài sản đảm bảo |
|--------------------------------------|--------------|------------------------|------------------------|-----------------|---------------------|---|
| | Gốc ngoại tệ | Tương đương VND | Gốc ngoại tệ | Tương đương VND | | |
| Vay ngắn hạn Ngân hàng ("NH") | | | | | | |
| NH TMCP Phát triển Nhà | VND | - | 19.488.362.646 | | | |
| NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | 43.809.282.611 | 59.350.686.467 | | 7 | Toàn bộ tiền gửi, phải thu, hàng tồn kho |
| NH TMCP Quân Đội | EUR | - | 110.278,00 | 3.185.902.748 | | |
| | USD | 1.684.290,34 | 1.477.662,61 | 31.156.516.131 | 4,5 | Hàng tồn kho và/hoặc khoản phải thu luân chuyển |
| | VND | 10.007.316.384 | 25.618.567.498 | | 6,7 | |
| NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | VND | 60.140.078.497 | 34.498.242.010 | | 7,5 | Tin chấp |
| NH Petrolimex | VND | 26.734.408.862 | 1.827.165.192 | | 7 | Hàng tồn kho luân chuyển |
| Vay cá nhân | VND | - | 3.710.000.000 | | - | Không có tài sản đảm bảo |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | | | | | | |
| NH TMCP Quân Đội | VND | 709.381.332 | 361.517.332 | | | Xem thuyết minh 4.23 |
| | | 177.410.595.154 | 179.196.960.024 | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| 4.17 Phải trả người bán | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả tiền hàng tự doanh | 71.250.356.699 | 53.835.865.486 |
| Phải trả tiền hàng ủy thác nhập khẩu | 301.748.142.995 | 263.612.412.575 |
| | 372.998.499.694 | 317.448.278.061 |

| 4.18 Người mua trả tiền trước | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| Ứng trước tiền mua hàng hóa | 4.888.699.209 | 9.491.903.660 |
| Ứng trước tiền hàng ủy thác nhập khẩu | 64.374.305.576 | 53.108.040.997 |
| | 69.263.004.785 | 62.599.944.657 |

| 4.19 Thuế và các khoản phải thu / phải nộp Nhà nước | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| <u>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</u> | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 508.120.360 | 226.953.772 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 44.204.017 | 61.403.856 |
| Thuế xuất nhập khẩu | 367.921.918 | 132.417.926 |
| | 920.246.295 | 420.775.554 |
| <u>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</u> | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.180.148.581 | 746.913.262 |
| Thuế nhà đất và tiền thuế đất | - | 451.605.000 |
| Khác | 5.305.083 | 9.107.070 |
| | 1.185.453.664 | 1.207.625.332 |

| 4.20 Chi phí phải trả | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí hoa hồng | 369.802.000 | 317.276.912 |
| Điện, nước, điện thoại | 140.468.000 | 70.439.891 |
| Phí dịch vụ chuyên nghiệp | 78.500.000 | 148.050.000 |
| Khác | 19.263.327 | 19.263.327 |
| | 608.033.327 | 555.030.130 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.21 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản thừa chờ giải quyết (Thuyết minh 7.3) | 3.800.222.270 | 11.263.867.592 |
| Kinh phí công đoàn | - | 109.532 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 2.802.976.272 | 2.582.405.145 |
| Cổ tức | 498.934.000 | 498.934.000 |
| Khoản góp hợp tác kinh doanh hiệu thuốc | 4.675.000.000 | - |
| Khoản hỗ trợ chi phí quảng cáo, marketing | - | 451.078.746 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 126.923.791 | 337.915.720 |
| | 11.904.056.333 | 15.160.858.052 |

4.22 Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-------------------------|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 241.000.000 | 241.000.000 |

4.23 Vay và nợ dài hạn

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Vay ngân hàng | 1.592.693.737 | 1.084.551.069 |
| Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 4.16) | (709.381.332) | (361.517.332) |
| | 883.312.405 | 723.033.737 |

Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội với lãi suất là lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng VND cộng (+) 2,5%/năm, trong thời hạn ba (3) năm, đáo hạn vào năm 2017, nhằm mua sắm tài sản và cải tạo văn phòng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ vốn vay.

4.24 Vốn chủ sở hữu

| (i) Cổ phiếu | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---------------------------------------|------------|------------|
| Cổ phiếu phổ thông | | |
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 2.800.000 | 2.800.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 2.800.000 | 2.800.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.800.000 | 2.800.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu | 10.000 VND | 10.000 VND |
| Cổ phiếu ưu đãi: không có | | |

J.01333
CHI
CÔNG
KIẾ
T
TÀI TP
VN I -

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(ii) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Quý đầu tư phát triển VND | Quý dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 28.000.000.000 | 6.675.782.228 | 2.704.722.887 | 5.319.014.980 | 42.699.520.095 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 10.544.584.760 | 10.544.584.760 |
| Quý đầu tư phát triển | - | 693.509.400 | - | (693.509.400) | - |
| Quý dự phòng tài chính | - | - | 95.277.113 | (95.277.113) | - |
| Quý khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - |
| - Trích bổ sung theo Nghị quyết Cổ đông 2012 | - | - | - | (1.165.759.268) | (1.165.759.268) |
| - Tạm trích năm 2013 | - | - | - | (1.241.424.286) | (1.241.424.286) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | (277.028.248) | (277.028.248) |
| - Trích bổ sung theo Nghị quyết Cổ đông 2012 | - | - | - | (325.928.147) | (325.928.147) |
| - Tạm trích năm 2013 | - | - | - | (2.800.000.000) | (2.800.000.000) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2013 | 28.000.000.000 | 7.369.291.628 | 2.800.000.000 | 9.264.673.278 | 47.433.964.906 |
| Năm nay | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 28.000.000.000 | 7.369.291.628 | 2.800.000.000 | 9.264.673.278 | 47.433.964.906 |
| Lãi năm hiện hành | - | - | - | 11.223.937.154 | 11.223.937.154 |
| Quý đầu tư phát triển | - | 1.265.350.171 | - | (1.265.350.171) | - |
| Quý khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - |
| - Trích bổ sung theo Nghị quyết cổ đông 2013 | - | - | - | (867.492.666) | (867.492.666) |
| - Tạm trích năm 2014 | - | - | - | (1.613.902.523) | (1.613.902.523) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | - | - | - | (95.855.242) | (95.855.242) |
| - Trích bổ sung theo Nghị quyết cổ đông 2013 | - | - | - | (107.229.000) | (107.229.000) |
| - Trích quỹ khen thưởng | - | - | - | (3.080.000.000) | (3.080.000.000) |
| Chi bổ sung cổ tức 2013 theo Nghị quyết cổ đông 2013 | - | - | - | - | - |
| Tạm chi cổ tức 2014 | - | - | - | (2.520.000.000) | (2.520.000.000) |
| Giảm khác (*) | - | - | - | (1.006.594.710) | (1.006.594.710) |
| Tại ngày 31/12/2014 | 28.000.000.000 | 8.634.641.799 | 2.800.000.000 | 9.932.186.120 | 49.366.827.919 |

(*) Đây là các khoản thuế phải nộp bổ sung cho các năm từ 2009 đến 2013, được ghi nhận như khoản giảm khác trong lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 7 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(iii) **Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông của Công ty vào 31 tháng 5 năm 2014, cổ tức của năm tài chính 2013 là 5,60 tỷ đồng (20% vốn điều lệ hay 2.000 VND / cổ phiếu). Trong đó, cổ tức đã tạm chi trong năm 2013 là 2,52 tỷ đồng và chi trả trong năm 2014 là 3,08 tỷ đồng.

Cổ tức năm 2014 đã được tạm chia theo tỷ lệ là 19% vốn điều lệ tương ứng với 5,32 tỷ VND. Trong đó, đợt 1 với tổng giá trị 2,52 tỷ đồng được chi trong năm 2014 và đợt 2 với tổng giá trị là 2,8 tỷ đồng được chi trong tháng hai năm 2015.

(iv) **Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

Quỹ đầu tư và phát triển và Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 **Doanh thu**

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 434.548.552.191 | 451.229.811.002 |
| Doanh thu phí ủy thác | 19.124.921.895 | 18.550.594.101 |
| Doanh thu cho thuê | 946.266.615 | 1.003.905.000 |
| | 454.619.740.701 | 470.784.310.103 |
| Hàng bán bị trả lại | (7.095.532.060) | (2.808.806.811) |
| Doanh thu thuần | 447.524.208.641 | 467.975.503.292 |

5.2 **Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Giá vốn của hàng hóa | 395.323.055.868 | 419.030.840.050 |
| Dự phòng / (Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho | 96.210.455 | (243.713.234) |
| | 395.419.266.323 | 418.787.126.816 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.3 Doanh thu tài chính

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi | 159.317.257 | 637.452.604 |
| Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán | 265.200.000 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 1.808.216.451 | 2.197.503.041 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 6.421.983.594 | 4.419.746.542 |
| | 8.654.717.302 | 7.254.702.187 |

Trong lãi bán hàng trả chậm của năm 2014, bao gồm 2.142.102.503 đồng là lãi trả chậm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 12 năm 2012 (xem thêm thuyết minh 7.4).

5.4 Chi phí tài chính

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền vay | 14.848.978.451 | 14.370.661.462 |
| Chi phí tài chính khác | 6.785.614 | 1.099.098 |
| | 14.855.764.065 | 14.371.760.560 |

5.5 Chi phí bán hàng

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên | 11.865.678.200 | 10.376.653.788 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.155.544.752 | 806.599.689 |
| Chi phí khấu hao | 882.726.155 | 846.218.441 |
| Chi phí thuê | 953.278.118 | 374.297.020 |
| Chi phí chiết khấu, hoa hồng | 1.345.348.749 | 956.074.587 |
| Chi phí điện, nước, điện thoại | 635.385.667 | 436.420.540 |
| Công tác phí | 83.892.019 | 76.597.988 |
| Chi phí nghiên cứu, phát triển thị trường | 342.755.429 | 297.313.402 |
| Phí bảo lãnh dự thầu | 164.384.777 | 367.192.074 |
| Phí giao hàng | 776.002.702 | 720.276.054 |
| Hồ sơ thầu | 185.849.091 | 141.339.091 |
| Phí kiểm nghiệm hàng hóa | 556.006.014 | 142.049.972 |
| Khác | 725.919.526 | 780.908.657 |
| | 19.672.771.199 | 16.321.941.303 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

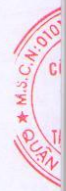
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 5.551.950.445 | 5.429.147.284 |
| Chi phí khấu hao | 677.544.937 | 613.819.948 |
| Chi phí dự phòng | 52.167.657 | 1.027.564.948 |
| Phí ngân hàng | 3.448.549.574 | 3.147.246.318 |
| Công tác phí | 545.788.851 | 375.867.153 |
| Đồng phục | 407.725.656 | 270.407.500 |
| Chi phí bảo hiểm | 388.226.150 | 239.278.344 |
| Chi phí hội họp | 37.940.000 | 78.558.000 |
| Chi phí điện thoại, fax | 824.576.596 | 810.126.654 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 779.833.600 | 452.667.178 |
| Phí dịch vụ chuyên nghiệp | 260.883.000 | 301.704.000 |
| Chi phí thuê văn phòng, kho bãi | 443.346.424 | 1.406.119.220 |
| Chi phí sửa chữa | 446.493.724 | 259.255.992 |
| Chi phí trợ cấp nghỉ việc | - | 108.094.915 |
| Chi phí tiếp khách | 895.707.652 | 830.429.447 |
| Chi phí khác | 2.251.505.741 | 2.088.264.883 |
| | 17.012.240.007 | 17.438.551.784 |

5.7 Thu nhập khác

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Thu từ thanh lý hàng hóa | 108.657.169 | 23.725.000 |
| Thu phí lưu kho | 20.600.748 | 104.210.781 |
| Thu nhập từ giới thiệu, hỗ trợ khách hàng thuê mặt bằng | 1.000.000.000 | - |
| Thu phí vận chuyển | - | 107.718.067 |
| Thu hồi chi phí kinh doanh | 1.850.982.768 | 618.730.672 |
| Khoản hỗ trợ giá | - | 4.890.315.763 |
| Xử lý tài sản thừa/thiếu trong năm (Thuyết minh 7.3) | 2.425.487.717 | - |
| Thu nhập khác | 576.645.718 | 263.333.550 |
| | 5.982.374.120 | 6.008.033.833 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 15.112.987.832 | 14.270.328.236 |
| Các khoản điều chỉnh:- | | |
| Chi phí không được khấu trừ | 265.317.052 | 51.221.214 |
| Chi phí trích trước | - | (3.490.392.233) |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 52.167.657 | 1.027.564.948 |
| Cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia | - | (158.121.819) |
| Lợi nhuận tính thuế TNDN | 15.430.472.541 | 11.700.600.346 |
| Thuế suất | 22% | 25% |
| Thuế TNDN | 3.394.703.959 | 2.925.150.087 |
| Các điều chỉnh thuế phải nộp bổ sung | - | 117.475.652 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>3.394.703.959</u> | <u>3.042.625.739</u> |

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--|----------------|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (VND) | 11.223.937.154 | 10.544.584.760 |
| Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi | (VND) | - | - |
| | | <u>11.223.937.154</u> | <u>10.544.584.760</u> |
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | (Cổ phiếu) | 2.800.000 | 2.800.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (VND/cổ phiếu) | <u>4.009</u> | <u>3.766</u> |

333767
CHI NH
NG TY
KIỂM T
BD
ITP. HỒ C
1 - TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

6.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

| | | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--------------------------------------|-------|------------------------|------------------------|
| | | VND | VND |
| Tiền và tiền gửi ngân hàng | (ii) | 54.362.286.638 | 50.425.593.570 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | (iii) | 459.954.845.217 | 447.191.970.558 |
| | | 514.317.131.855 | 497.617.564.128 |

(ii) Tiền và tiền gửi ngân hàng

Tiền và tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, ngoài số dư phòng đã lập, Công ty không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phân hệ tương lai và phải thu khác | 805.144.599.007 | 804.902.526.027 |
| Trong đó: phải thu tương lai / loại | 501.728.149.385 | 501.000.000 |
| đồng ý bán | | |
| Vay | 174.280.807.550 | 177.410.595.124 |
| Phân hệ người lao động | 1.480.144.240 | 1.480.144.240 |
| Chiếm phải trả | 879.083.597 | 879.303.523 |
| | 859.833.841.152 | 863.730.788.714 |

-005-C
INH
TNHH
JAN
HỒ CHÍ MINH
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu khách hàng / Hoạt động tự doanh | 67.793.949.884 | 105.117.894.852 |
| Phải thu khách hàng / Hoạt động ủy thác | 367.486.740.932 | 328.879.494.215 |
| Trừ: Dự phòng | <u>(1.856.037.317)</u> | <u>(1.803.869.660)</u> |
| | <u>433.424.653.499</u> | <u>432.193.519.407</u> |
| Phải thu khác | 24.674.154.401 | 13.194.581.491 |
| Trừ: Dự phòng | <u>(907.536.538)</u> | <u>(907.536.538)</u> |
| | <u>23.766.617.863</u> | <u>12.287.044.953</u> |

Các khoản phải thu khách hàng của hoạt động ủy thác có liên quan đến các khoản phải trả người bán của hoạt động ủy thác. Hiện nay, rủi ro tín dụng được chú trọng hơn đối với hoạt động tự doanh. Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng Công ty cho rằng không giảm giá tại thời điểm cuối năm đối với hoạt động tự doanh như sau:

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Quá hạn từ 6 tháng - 1 năm | 29.801.994.210 | 60.329.396.365 |
| Quá hạn từ trên 1 năm - 2 năm | 5.804.864.944 | 5.838.982.510 |
| Quá hạn từ trên 2 năm - 3 năm | 234.141.709 | 1.446.695.996 |
| Quá hạn trên 3 năm | <u>2.039.716.750</u> | <u>322.342.255</u> |
| | <u>37.880.717.613</u> | <u>67.937.417.126</u> |

6.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm như sau:

| | Giá trị ghi sổ | Trong 1 năm | Trên 1 năm |
|--|------------------------|------------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND |
| Phải trả thương mại và phải trả khác | 385.143.556.027 | 384.902.556.027 | 241.000.000 |
| <i>Trong đó, phải trả thương mại / hoạt động ủy thác</i> | <i>301.748.142.995</i> | | |
| Vay | 178.293.907.559 | 177.410.595.154 | 883.312.405 |
| Phải trả người lao động | 1.488.144.249 | 1.488.144.249 | - |
| Chi phí phải trả | <u>608.033.327</u> | <u>608.033.327</u> | <u>-</u> |
| | <u>565.533.641.162</u> | <u>564.409.328.757</u> | <u>1.124.312.405</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán (VND) của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Dollar Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản (nợ phải trả) / tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

| | USD | EUR | GBP | JPY |
|--|--------------------|------------------|-----------------|------------------|
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và tương đương tiền | 990.354 | 519 | - | - |
| Phải thu khách hàng | 13.428.992 | 220.596 | - | - |
| Phải thu khác | 579.195 | - | - | - |
| Nợ tài chính | | | | |
| Phải trả thương mại | (15.462.307) | (567.572) | (15.991) | (499.900) |
| Vay ngắn hạn | (1.684.290) | - | - | - |
| (Nợ phải trả) / Tài sản tiền tệ thuần | (2.148.056) | (346.457) | (15.991) | (499.900) |

(ii) Rủi ro lãi suất

Công ty phải chịu rủi ro biến động tỷ giá từ các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Các công cụ tài chính có lãi suất cố định | | |
| Các khoản tương đương tiền | 667.000.000 | - |
| Vay ngắn hạn | (176.701.213.822) | (178.835.442.692) |
| | (176.034.213.822) | (178.835.442.692) |
| Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi | | |
| Tiền gửi ngân hàng | 53.695.286.638 | 50.425.593.570 |
| Vay dài hạn | (1.592.693.737) | (1.084.551.069) |
| | 52.102.592.901 | 49.341.042.501 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.4 Giá trị hợp lý

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính để trình bày theo điều khoản 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường tập trung không sẵn có đối với tài sản tài chính và khoản nợ phải trả tài chính; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp các chỉ dẫn về đánh giá giá trị hợp lý trong trường hợp niêm yết trên thị trường tập trung chưa sẵn có. Giá trị hợp lý của khoản nợ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

(i) Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

| Các bên liên quan | Nội dung giao dịch | Năm 2014 | Năm 2013 |
|-------------------|-----------------------|--------------------|------------------|
| | | VND | VND |
| SALENOPTIC | Bán cổ phần Cổ tức | 1.326.000.000 - | - 158.121.819 |
| Ban Giám đốc | Thu nhập | 1.224.768.858 | 1.447.743.193 |

(ii) Số dư với các bên liên quan: không có

7.2 Tài sản thuê hoạt động

Thuê văn phòng

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động nhà làm văn phòng của hai chi nhánh được trình bày như sau:

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng 1 năm | 286.020.000 | 294.840.000 |
| Trên 1 đến 5 năm | 252.000.000 | 538.020.000 |
| | 538.020.000 | 832.860.000 |

3767-01
NHÀN
TY T
M TO
BDO
P. HỒ CHÍ
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuê đất

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty được thuê đất để làm văn phòng trụ sở chính và nhà kho trong thời gian từ ngày 01 tháng 8 năm 2001 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046 (44 năm 5 tháng). Tiền thuê đất ở các lô đất này sẽ do Chi cục thuế quận gửi thông báo vào mỗi năm. Trong năm 2014, tiền thuê đất như sau:

| Lô đất | Diện tích (m ²) | Đơn giá thuê đất (VND/m ² /năm) | Chi phí thuê đất (VND/năm) |
|---|--------------------------------|--|----------------------------------|
| Văn phòng chính tại số 181 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. HCM | 1.463 | 369.600 | 540.724.800 |
| Kho 76 Sương Nguyệt Ánh, quận 1, TP. HCM | 782 | 577.500 | 451.605.000 |
| Kho Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. HCM | 8.745 | 13.200 | 115.434.000 |
| | 10.990 | | 1.107.763.800 |

7.3 Tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản thừa chờ giải quyết

| Tài sản thiếu chờ xử lý (Thuyết minh 4.8) | Năm 2014 VND |
|---|-----------------|
| Số dư đầu năm | 4.468.605.909 |
| Xác định được đối tượng | (3.371.775.597) |
| Số dư cuối năm | 1.096.830.312 |

| Tài sản thừa chờ giải quyết (Thuyết minh 4.21) | Năm 2014 VND |
|--|-----------------|
| Số dư đầu năm | 11.263.867.592 |
| Xác định được đối tượng | (5.060.861.106) |
| Xử lý gi tăng thu nhập khác (Thuyết minh 5.7) | (2.425.487.717) |
| Ghi nhận chi phí trong năm | 22.703.501 |
| Số dư cuối năm | 3.800.222.270 |

7.4 Khoản phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ

| | Năm 2014 (tỷ đồng) | Năm 2013 (tỷ đồng) |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 27,51 | 28,51 |
| Phát sinh trong năm | | |
| - Đã thu bằng tiền | (1,43) | (1,00) |
| - Đã thu - cần trừ tiền hàng | (0,47) | - |
| - Ghi nhận tăng phải thu trong năm 2014 - khoản tiền lãi trả chậm trong giai đoạn từ 19/05/2012 đến 31/12/2012 | 2,14 | - |
| Số dư cuối năm | 27,75 | 27,51 |

Đây là khoản phải thu tiền hàng ủy thác nhập khẩu phát sinh từ năm 2009-2010 đã quá hạn và lãi trả chậm, trong đó, khoản lãi trả chậm được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 10,31 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 và 2013, Ban lãnh đạo Công ty Cán Giờ đã xây dựng một phương án trả nợ cho Công ty thông qua việc thanh toán bằng tiền và cấn trừ tiền bán hàng hóa cho Công ty, trong vòng bảy (7) năm bắt đầu từ năm 2014 cho đến năm 2020 như sau:

| | Thanh toán bằng tiền (tỷ đồng) | Cấn trừ tiền bán hàng (tỷ đồng) | Cộng (tỷ đồng) |
|---------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|
| Năm 2014 | 1,44 | 2,04 | 3,48 |
| Năm 2015 | 1,44 | 2,04 | 3,48 |
| Năm 2016 | 1,80 | 2,04 | 3,84 |
| Năm 2017 | 1,80 | 2,04 | 3,84 |
| Năm 2018 | 2,16 | 2,04 | 4,20 |
| Năm 2019 | 2,16 | 2,04 | 4,20 |
| Năm 2020 | 2,16 | 2,16 | 4,32 |
| Tổng sau 7 năm thanh toán | 12,96 | 12,96 | 27,36 |

Tuy tiến độ trả nợ của Công ty Cán Giờ trong năm 2014 không như kế hoạch nêu trên, Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá và cho rằng Công ty vẫn có khả năng thu hồi được 27,75 tỷ đồng (số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) từ Công ty Cán Giờ và không trích lập dự phòng khoản phải thu này.



TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng giám đốc

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

PHẠM THANH TUYẾN
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015